TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di.

2. Ông Phạm Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Xuân H, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Đức P, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Trần Thị Như Y, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn trình bày: 02 lần vay tiền giữa bà Trương Thị Xuân H và vợ chồng ông Nguyễn Trần Đức P, bà Đặng Thị T chỉ thỏa thuận miệng, cụ thể:

- Tối ngày 16/9/2018, vợ chồng ông P bà T dẫn bà Bé (không rõ lai lịch) đến nhà bà H vay tiền dùm cho bà Bé, theo ông P giới thiệu Bé là chị dâu vợ anh Sơn (là anh ruột bà T), nhưng bà H chỉ cho đồng ý cho vợ chồng ông P bà T vay tiền vì không biết bà Bé là ai, 02 bên thống nhất thỏa thuận: Bà H cho ông P bà T vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay tính từ ngày bà H chuyển tiền cho vay vào tài khoản ngân hàng của ông P. Ngày 17/9/2018 con dâu bà H là Trần Thị Như Y đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông P số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận.

- Tối ngày 24/9/2018, vợ chồng ông P bà T lại tiếp tục dẫn bà Bé đến nhà bà H để vay dùm bà Bé số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà H chỉ đồng ý cho vợ chồng ông P bà T vay tiền, 02 bên thống nhất thỏa thuận: Trong vòng 04 tháng vợ chồng ông P bà T phải trả cho bà H tiền gốc tổng cộng 02 lần là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận là 4%/tháng tính từ ngày chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng. Ngày 26/9/2018, bà H đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông P số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) như đã thỏa thuận.

02 tháng đầu thì bà Bé trả lãi đầy đủ 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng) (4% của số tiền 150.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản cho con dâu bà H là Trần Thị Như Y. 01 tháng sau thì bà T đến nhà bà H để trả lãi 6.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó vợ chồng ông P bà T cũng như bà Bé không gửi tiền lần nào nữa. Tổng cộng bà H đã nhận 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tiền lãi. Nhiều lần bà H đến nhà ông P bà T đòi tiền nhưng không được, nay bà H khởi kiện yêu cầu ông P bà T phải trả cho bà H số tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ 26/01/2019 đến nay. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chỉ yêu cầu ông P phải trả cho bà H số tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời bà H không yêu cầu bà T phải có trách nhiệm liên đới trả tiền; đối với số tiền lãi, do bà H đã nhận của ông P 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) nên bà H không yêu cầu tiền lãi nữa.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, nhưng ông Nguyễn Trần Đức P, bà Đặng Thị T không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tại phiên tòa, ông P bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Như Y (con dâu bà H) trình bày: Ngày 17/9/2018, bà Ý đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Trần Đức P. Đây là tiền của bà H nhờ bà Y chuyển tiền, mục đích cho ông P vay.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tuy Phong có văn bản trả lời số 127/NHNo-BTh-TP-KTNQ ngày 13/4/2022, nội dung như sau:

- Số tài khoản 4808205272490 tên chủ tài khoản là Nguyễn Trần Đức P là đúng (kèm theo hình và chữ ký của ông Nguyễn Trần Đức P).

- Ngày 17/9/2018, tài khoản 4808205272490 có nhận được số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do tài khoản 0441000619221 (người phát lệnh là Trần Thị Như Y) chuyển đến là đúng (kèm theo chứng từ lệnh thanh toán).

- Ngày 26/9/2018, tài khoản 4808205272490 có nhận được số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) do tài khoản 102000802329 (người phát lệnh là Trương Thị Xuân H) chuyển đến là đúng (kèm theo chứng từ lệnh thanh toán).

Theo biên bản xác minh ngày 21/4/2022 tại Thôn T1, xã P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Trần Đức P, bà Đặng Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hiện nay ông P không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ; bà T có mặt tại địa phương nhưng ban ngày thường xuyên không có mặt tại nhà do đi làm thuê, làm mướn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt. Do đó vụ án không hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Trần Đức P phải trả cho bà Trương Thị Xuân H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Trần Đức P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trần Đức P phải trả số tiền đã vay do đó Tòa án thấy rằng đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn T1, xã P1,

huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[2] Bà Trần Thị Như Y xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Trần Đức P, bà Đặng Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt này được coi như từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Xuân H thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chỉ yêu cầu ông Nguyễn Trần Đức P trả số tiền đã vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu bà Đặng Thị T phải liên đới trả cùng, không yêu cầu tiền lãi. Đây là sự tự nguyện của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung khởi kiện: Bà Trương Thị Xuân H yêu cầu ông Nguyễn Trần Đức P phải trả số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 17/9/2018 và 26/9/2018, bà H đã nhờ con dâu là bà Trần Thị Như Y và chính bà H đã chuyển tổng cộng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 4808205272490 của ông Nguyễn Trần Đức P mục đích để cho ông P vay tiền lấy lãi suất, lời trình bày của bà H được bà Trần Thị Như Y xác nhận là đúng và căn cứ vào văn bản trả lời số 127/NHNo-BTh-TP-KTNQ ngày 13/4/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tuy Phong xác nhận giữa bà Ý, bà H và ông P có xác lập giao dịch chuyển khoản như bà H trình bày.

Mặc khác Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã nhiều lần triệu tập ông P và bà T đến làm việc nhưng ông P và bà T vẫn không chấp hành nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đối với Trương Thị Xuân H.

- Biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đối với Trần Thị Như Y.

- Văn bản trả lời số 127/NHNo-BTh-TP-KTNQ ngày 13/4/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tuy Phong và các văn bản kèm theo gồm: Hình và chữ ký của ông Nguyễn Trần Đức P, chứng từ lệnh thanh toán ngày 17/9/2018, 26/9/2018.

Đến nay ông P không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu trên, do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định việc bà Trương Thị Xuân H 02 lần chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Trần Đức P tổng số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), mục

đích cho ông P vay có lãi suất, ông P đã trả cho bà H 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tiền lãi, ngoài ra đến nay ông P vẫn chưa trả tiền gốc cho bà H là có thật. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Trần Đức P phải trả lại cho bà Trương Thị Xuân H tổng số tiền đã vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Hợp đồng vay tài sản giữa ông P và bà H là có lãi suất 4%/tháng, lãi suất thỏa thuận này vượt quá quy định của pháp luật, bà H xác nhận ông P mới trả cho bà H 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) tiền lãi, tuy nhiên thời gian vay tính từ thời điểm bà H cho ông P vay cho đến nay thì số tiền lãi bà H nhận của ông P tính theo lãi suất ngân hàng là không vượt quá. Nay bà H không yêu cầu gì về phần tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Trần Đức P phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Xuân H. Buộc ông Nguyễn Trần Đức P phải trả cho bà Trương Thị Xuân H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trần Đức P phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Xuân H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Vũ